

Số 05-ĐA/UBKTTW

ĐỀ ÁN

TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI VĂN PHÒNG	
ĐẾN	Số: 307
	Ngày: 24/4/2023
	Chuyển: C. Bình
	Lưu hồ sơ:

luận chuyển cán bộ trong hệ thống ngành Kiểm tra Đảng

A. MỞ ĐẦU

Kiểm tra, giám sát là chức năng lãnh đạo, nhiệm vụ thường xuyên của Đảng. Trong đó, công tác cán bộ là yếu tố quan trọng, mang tính quyết định. Theo đó, để hoàn thành được sứ mệnh của mình, ngành Kiểm tra Đảng phải quan tâm, chăm lo công tác cán bộ nói chung, công tác luân chuyển cán bộ nói riêng để luôn có đội ngũ cán bộ đủ năng lực, phẩm chất, uy tín và đồng bộ ở các cấp.

Qua hơn 10 năm thực hiện Kết luận số 72-KL/TW, ngày 17/5/2010 của Bộ Chính trị khóa X về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2020 (gọi tắt là Chiến lược) và Thông báo kết luận số 312-TB/TW, ngày 09/3/2010 của Ban Bí thư về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát và luân chuyển lãnh đạo ủy ban kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp; việc đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra có bước chuyển tích cực; cán bộ thuộc diện được luân chuyển có điều kiện được đào tạo, rèn luyện thực tế ở cơ sở; hầu hết cán bộ qua luân chuyển đều có bước trưởng thành, tích lũy được nhiều kinh nghiệm, có quan điểm nhìn nhận và phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, sát thực tế hơn; cán bộ luân chuyển nội bộ ngành kiểm tra Đảng, tuy số lượng chưa nhiều, nhưng đã tạo hiệu quả rất tích cực, góp phần tăng cường đội ngũ cán bộ cho các địa bàn còn thiếu, yếu, dần tạo sự đồng bộ, toàn diện về chất lượng của đội ngũ cán bộ trong toàn ngành.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác luân chuyển cán bộ ngành Kiểm tra Đảng còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế, đó là: (1) Một số cấp ủy chưa quan tâm đúng mức đến công tác luân chuyển cán bộ, chưa xây dựng được đề án, kế hoạch luân chuyển cán bộ, số lượng cán bộ luân chuyển trong nội bộ ngành Kiểm tra Đảng còn ít; (2) chất lượng, hiệu quả công tác luân chuyển cán bộ có nơi chưa cao, chưa đồng đều; một số nơi còn yếu, thiếu cán bộ có trình độ, chuyên môn phù hợp để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ; (3) một số địa phương, đơn vị nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về ý nghĩa, tác dụng của việc luân chuyển cán bộ, còn có sự nhầm lẫn giữa luân chuyển để đào tạo, bồi dưỡng và điều động cán bộ; (4) một số cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản, có tâm huyết, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống

tốt, nhưng chưa có cơ hội được luân chuyển “đi cơ sở” nên không có nhiều môi trường để rèn luyện bản lĩnh chính trị, cũng như việc trau dồi, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn chưa nhiều nên chưa phát huy được hết khả năng trong công việc...

Đề khắc phục những tồn tại, hạn chế, tạo sự đồng bộ, thống nhất trong nhận thức và tổ chức thực hiện, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, có nền nếp công tác luân chuyển cán bộ trong hệ thống ngành Kiểm tra Đảng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có kinh nghiệm thực tiễn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng trong giai đoạn hiện nay, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 23-KL/TW, ngày 10/12/2021 về tiếp tục đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì xây dựng đề án luân chuyển cán bộ trong hệ thống ngành Kiểm tra Đảng.

Đề án có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, là cơ sở khoa học quan trọng để cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Quy định về luân chuyển cán bộ trong hệ thống ngành Kiểm tra Đảng; đồng thời góp phần tích cực trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ kiểm tra từ Trung ương đến cơ sở ngày càng đồng bộ, có tính kế thừa, bảo đảm chất lượng, chuyên nghiệp, hiệu quả, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng.

II. Căn cứ xây dựng Đề án

- Điều lệ Đảng;
- Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII;
- Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;
- Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến 2030;
- Quy định số 65-QĐ/TW, ngày 28/4/2022 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ;
- Kết luận số 23-KL/TW, ngày 10/12/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng;

- Thực tiễn, yêu cầu nhiệm vụ về công tác kiểm tra, giám sát và xây dựng đội ngũ cán bộ ngành kiểm tra Đảng hiện nay.

III. Phạm vi, đối tượng của Đề án

Đề án tập trung nghiên cứu, xây dựng và đề xuất các nội dung về công tác luân chuyển cán bộ đối với 02 nhóm đối tượng luân chuyển thuộc ủy ban và cơ quan ủy ban kiểm tra từ cấp huyện trở lên gồm:

- Thành viên chuyên trách ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương (gọi chung là ủy ban kiểm tra cấp tỉnh); ủy ban kiểm tra các huyện ủy, quận ủy, thành ủy, thị ủy, đảng ủy khối cơ quan, khối doanh nghiệp tỉnh trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy (gọi chung là ủy ban kiểm tra cấp huyện).

- Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp vụ thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cấp phòng thuộc cơ quan ủy ban kiểm tra cấp tỉnh.

IV. Mục tiêu của Đề án

- Đánh giá đúng thực trạng, tình hình đội ngũ cán bộ, công tác luân chuyển cán bộ ngành Kiểm tra Đảng từ cấp huyện trở lên.

- Nghiên cứu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về việc luân chuyển cán bộ trong ngành Kiểm tra Đảng làm cơ sở để các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện đồng bộ, thống nhất, có hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác luân chuyển cán bộ trong hệ thống ngành Kiểm tra nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các nhiệm kỳ tiếp theo.

- Thực hiện tốt Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến 2030; Kết luận số 23-KL/TW, ngày 10/12/2021 của Ban Bí thư về công tác luân chuyển cán bộ ngành Kiểm tra Đảng.

B. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. Thực trạng đội ngũ cán bộ ngành Kiểm tra Đảng¹

1. Ủy ban kiểm tra

1.1. Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy

Ủy ban kiểm tra các cấp là cơ quan kiểm tra, giám sát chuyên trách của cấp ủy, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng và các nhiệm vụ do cấp ủy giao.

¹ Tổng hợp số liệu đến cuối tháng 8/2022 của 67/67 UBKT tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương

Ủy ban kiểm tra được lập từ đảng ủy cơ sở trở lên, gồm: Ủy ban Kiểm tra Trung ương; ủy ban kiểm tra cấp tỉnh; ủy ban kiểm tra cấp huyện, ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở.

Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm chủ nhiệm, các phó chủ nhiệm và ủy viên ủy ban kiểm tra, trong đó có một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy; nhiệm kỳ của ủy ban kiểm tra các cấp theo nhiệm kỳ của cấp ủy cùng cấp; Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra cấp trên.

1.2. Về cơ cấu, số lượng thành viên ủy ban kiểm tra theo quy định

Số lượng, cơ cấu nhân sự ủy ban kiểm tra các cấp được thực hiện theo Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng và các văn bản hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

1.3. Tình hình thực tế đội ngũ cán bộ là thành viên ủy ban kiểm tra cấp tỉnh, cấp huyện

Hiện nay, trên toàn quốc có 67 ủy ban kiểm tra cấp tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc trung ương; 917 ủy ban kiểm tra của cấp ủy trực thuộc các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

Tổng hợp số liệu thành viên ủy ban kiểm tra cấp tỉnh, cấp huyện của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương như sau (*Phụ lục số 01*):

- Cấp tỉnh: Tổng số 615 thành viên ủy ban, trong đó

- + Chủ nhiệm: 67 đồng chí
- + Phó Chủ nhiệm: 186 đồng chí
- + Ủy viên chuyên trách: 362 đồng chí

- Cấp huyện: Tổng số 5.151 thành viên ủy ban, trong đó:

- + Chủ nhiệm: 870 đồng chí
- + Phó Chủ nhiệm: 1.503 đồng chí
- + Ủy viên chuyên trách: 2.778 đồng chí

Về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ:

Theo số liệu thống kê đến cuối tháng 8/2022, 100% Ủy viên UBKT cấp tỉnh, có trình độ đại học trở lên, trong đó có 56.7% chủ nhiệm; 48.4% phó chủ nhiệm; 45.3% ủy viên có trình độ thạc sĩ; có 7.5% chủ nhiệm; 1.1% phó chủ nhiệm; 0.6% ủy viên có trình độ tiến sĩ. Chuyên môn tập trung chủ yếu vào nhóm ngành khối

kinh tế, tài chính (40.3 % chủ nhiệm; 40.3 % phó chủ nhiệm; 37.8% ủy viên); 2 nhóm ngành có tỷ lệ thấp nhất là khối quản lý nhà nước (7.5% chủ nhiệm; 7.5 % phó chủ nhiệm; 6.4 % ủy viên) và khối xây dựng đảng (11.9 % chủ nhiệm; 9.7 % phó chủ nhiệm; 11% ủy viên).

Đối với cấp huyện, xét riêng tiêu chí nhóm chuyên ngành đào tạo cân đối hơn nhóm chức danh cấp tỉnh. Tuy nhiên, nhóm kinh tế, tài chính vẫn tập trung khá cao, với 25.1% chủ nhiệm, 27.4% phó chủ nhiệm và 25.6% ủy viên; cao nhất là khối ngành khác. Khối xây dựng đảng và quản lý nhà nước ở nhóm chức danh này cũng thấp; cụ thể, đối với nhóm ngành xây dựng đảng ở 3 chức danh là: Chủ nhiệm: 9.3%, phó chủ nhiệm: 11.8%, ủy viên: 12.1%; nhóm quản lý nhà nước, chủ nhiệm: 9.7%, phó chủ nhiệm: 10.9 %, ủy viên: 7.9 %.

Trong khi ngành Kiểm tra Đảng là ngành tổng hợp, đòi hỏi đội ngũ cán bộ có chuyên môn đa dạng mới có thể đáp ứng tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, phục vụ sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với hệ thống chính trị.

Về độ tuổi: nhóm chức danh chủ nhiệm và phó chủ nhiệm cấp tỉnh thiếu cân đối giữa 3 nhóm tuổi; tỷ lệ nhóm trên 50 tuổi đối với chủ nhiệm và phó chủ nhiệm chiếm cao nhất, lần lượt là 59.7% và 54.3% ; dưới 45 tuổi chỉ chiếm 9% và 15.6%; độ tuổi các thành viên khác khá cân đối. Số lượng nữ chiếm thấp, tỷ lệ lần lượt là chủ nhiệm: 16.4%, phó chủ nhiệm: 19.4%, ủy viên đạt khá hơn, chiếm 21%. Tỷ lệ nữ đối với chức danh chủ nhiệm cấp huyện chỉ chiếm 12.3%... Chỉ số này cho thấy những khó khăn, bất cập trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo ủy ban kiểm tra các cấp kế cận.

2. Cơ quan ủy ban kiểm tra

2.1. Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy

Cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp là cơ quan tham mưu, giúp ủy ban kiểm tra cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và thực hiện các nhiệm vụ do cấp ủy giao; đồng thời là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng ở từng cấp.

2.1.1. Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương (Phụ lục số 02):

Quyết định số 53-QĐ/TW, ngày 06/01/2022 của Bộ Chính trị quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, tổ chức bộ máy của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương gồm 14 vụ, đơn vị như sau:

+ 08 vụ theo dõi địa bàn: Vụ Địa bàn I, Vụ Địa bàn IA, Vụ Địa bàn II, Vụ Địa bàn III, Vụ Địa bàn V, Vụ Địa bàn VI, Vụ Địa bàn VII, Vụ Địa bàn VIII;

+ 06 vụ, đơn vị hành chính, chuyên đề: Vụ Tổng hợp, Vụ Nghiên cứu, Vụ Đào tạo - Bồi dưỡng, Vụ Tổ chức - Cán bộ, Tạp chí Kiểm tra, Văn phòng Cơ quan.

Tổ chức cấp phòng: Cơ quan hiện có 09 phòng thuộc các vụ, đơn vị và 01 Văn phòng Đảng ủy, Công đoàn Cơ quan.

2.1.2. Cơ quan ủy ban kiểm tra cấp tỉnh (Phụ lục số 03)

- Tổ chức bộ máy của cơ quan ủy ban kiểm tra cấp tỉnh được thành lập các phòng trực thuộc. Qua thống kê, 67 địa phương, đơn vị, hiện có tổng số 221 phòng trực thuộc cơ quan ủy ban kiểm tra cấp tỉnh.

- Cơ quan ủy ban kiểm tra cấp tỉnh hầu hết đều có từ 3 đến 5 phòng nghiệp vụ. Nhưng tên các phòng chưa thống nhất, chức năng, nhiệm vụ của các phòng cũng thường thay đổi dẫn đến việc tiêu chuẩn hóa cán bộ kiểm tra theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên sâu còn nhiều khó khăn. Nhiều nơi ủy viên ủy ban kiểm tra trưởng phòng, tuy có thuận lợi trong điều hành, song lại hạn chế tinh thần tích cực của cán bộ và thiếu nguồn quy hoạch cán bộ,... Mặt khác, do chưa có quy định thống nhất về mô hình tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra, nên cấp ủy các cấp tự tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra của cấp mình dẫn đến có nhiều mô hình, hoạt động khác nhau làm cho việc đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc, tổ chức thực hiện nhiệm vụ gặp nhiều khó khăn; việc tổng kết rút kinh nghiệm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định chưa kịp thời, chưa sát tình hình của từng địa phương, đơn vị.

2.1.3. Cơ quan ủy ban kiểm tra cấp huyện

- Là cơ quan tham mưu, giúp ủy ban kiểm tra huyện ủy thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng trong đảng bộ huyện theo quy định của Điều lệ Đảng và thực hiện các nhiệm vụ do huyện ủy, ban thường vụ huyện ủy giao; đồng thời, là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng của huyện ủy.

- Lãnh đạo cơ quan ủy ban kiểm tra cấp huyện gồm chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm. Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp huyện là thủ trưởng cơ quan ủy ban kiểm tra huyện ủy.

- Tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra cấp huyện không có các phòng mà chỉ có một số cán bộ giúp việc.

2.2. Tình hình đội ngũ công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

2.2.1. Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Tổng số biên chế được giao là 300, hiện có là 280 người. Trong đó có 224 Nam, 56 Nữ.

Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương hiện có:

+ Vụ trưởng và tương đương: 17 đồng chí (14 đồng chí vụ trưởng và tương đương của các vụ, đơn vị; 03 đồng chí vụ trưởng, thư ký Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

+ Phó Vụ trưởng và tương đương: 107 đồng chí.

+ Trưởng phòng: 09 đồng chí

+ Phó Trưởng phòng: 06 đồng chí

2.2.2. Cán bộ cơ quan ủy ban kiểm tra cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Biên chế của cơ quan ủy ban kiểm tra cấp tỉnh do ban thường vụ tỉnh ủy quyết định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm, cơ cấu cán bộ, công chức phù hợp với tổng số biên chế được giao và cân đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc khác của tỉnh ủy.

- Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc 67 cơ quan ủy ban kiểm tra cấp tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy hiện có:

+ Trưởng phòng: 133 đồng chí

+ Phó trưởng phòng: 256 đồng chí

- Theo số liệu thống kê đến cuối tháng 8/2022, 100% cán bộ lãnh đạo cấp phòng của các cơ quan UBKT các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trong đó có 41.4% trưởng phòng; 37.1% phó trưởng phòng có trình độ thạc sĩ; 1.5% trưởng phòng có trình độ tiến sĩ. Chuyên môn tập trung chủ yếu vào nhóm ngành khối kinh tế, tài chính (42.9% trưởng phòng; 40.2% phó trưởng phòng); 2 nhóm ngành có tỷ lệ thấp là khối Quản lý nhà nước (3.0 % trưởng phòng; 5.1% phó trưởng phòng) và khối Xây dựng đảng (10.5% trưởng phòng, 7.8% phó trưởng phòng). Độ tuổi nhóm chức danh trên tương đối cân bằng giữa 3 nhóm tuổi. Nhóm tuổi 45-50 đối với trưởng phòng chiếm tỷ lệ cao nhất (40.6%); nhóm tuổi dưới 40 đối với phó trưởng phòng chiếm cao nhất (44.9%). Tỷ lệ nữ của 2 chức danh trên khá cao: 27.1% đối với trưởng phòng; 30.5% đối với phó trưởng phòng.

Tuy nhiên, giữa các địa phương còn có sự mất cân đối ở các nhóm tiêu chí; cả về chuyên môn nghiệp vụ, độ tuổi và giới tính. Một số tỉnh không có chuyên ngành Xây dựng đảng, quản lý nhà nước như Bắc Giang, Điện Biên, Hải Dương (có 6/8 chuyên ngành kinh tế)...; không có lãnh đạo cấp phòng là nữ (Bắc Giang, Điện Biên); độ tuổi ngoài 50 chiếm tỷ lệ cao (Điện Biên).

3. Một số tồn tại, hạn chế trong công tác tham mưu, thực hiện nhiệm vụ của cán bộ kiểm tra

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ kiểm tra qua các cuộc kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong đảng đối với ủy ban kiểm tra các cấp trong nhiệm kỳ Đại hội XII² của Đảng cho thấy, bên cạnh những kết quả, thành tích nổi bật đã đạt được, còn một số ủy ban kiểm tra nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, vị trí của công tác kiểm tra, giám sát; chưa xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn về nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình; chất lượng, hiệu quả công tác nắm tình hình, giám sát thường xuyên chưa cao; chưa xây dựng được quy chế công tác đối với cán bộ theo dõi địa bàn; chất lượng, hiệu quả các cuộc giám sát chuyên đề chưa cao, còn hạn chế. Ở một số địa bàn, mặc dù có tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm nhưng qua giám sát không phát hiện được vi phạm để chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; một số cuộc giám sát thời gian kéo dài so với kế hoạch đề ra; một số vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên chậm được phát hiện, xử lý, nhất là vi phạm về quản lý, sử dụng đất đai, dự án đầu tư. Việc xem xét, thi hành kỷ luật đảng một số trường hợp hình thức kỷ luật chưa tương xứng với lỗi vi phạm nhưng chưa phát hiện để xử lý...

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên, ngoài những nguyên nhân khách quan thì nguyên nhân chủ quan là chủ yếu đó là: nhận thức, trình độ, năng lực làm việc của một số cán bộ, công chức còn nhiều hạn chế; kinh nghiệm công tác chưa nhiều, thiếu bản lĩnh; một số đồng chí lãnh đạo ủy ban kiểm tra cấp tỉnh, cấp huyện chưa thể hiện được vai trò trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ...

4. Đánh giá chung

Hiện nay, đa số cán bộ, công chức công tác trong ngành Kiểm tra Đảng có trình độ chính trị, trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, có kinh nghiệm thực tiễn, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong thời kỳ mới. Đội ngũ cán bộ, công chức trong ngành cơ bản đảm bảo về số lượng, chất lượng, độ tuổi, có tính kế thừa liên tục, vừa phát huy được sức trẻ và kinh nghiệm thực tiễn; hầu hết các đồng chí thành viên ủy ban kiểm tra đã trải qua nhiều vị trí công tác, một số đồng chí có nhiều năm kinh

² Trong nhiệm kỳ XII, ủy ban kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong đảng đối với 209.263 tổ chức đảng; trong đó, Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra 114 ban thường vụ và UBKT các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; ủy ban kiểm tra các địa phương, đơn vị kiểm tra 209.149 tổ chức đảng.

Qua kiểm tra, đã yêu cầu rút kinh nghiệm đối với 708 trường hợp thi hành kỷ luật chưa đảm bảo nguyên tắc, quy trình, thủ tục; chỉ đạo xem xét lại 319 trường hợp đảng viên bị kỷ luật không đúng thẩm quyền; rút hồ sơ để xem xét lại việc thi hành kỷ luật đối với 59 trường hợp vi phạm đến mức phải kỷ luật nhưng không thi hành kỷ luật, 07 trường hợp bị kỷ luật oan, sai; kiến nghị tăng hình thức kỷ luật 80 trường hợp, xoá kỷ luật 16 trường hợp...

nghiệm trong công tác xây dựng Đảng, có thời gian dài làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát.

Tuy nhiên, chất lượng cán bộ ở một số địa phương, đơn vị còn yếu, thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn về các lĩnh vực tài nguyên môi trường, đầu tư, xây dựng... nên gặp khó khăn trong việc tham mưu, thực hiện các nhiệm vụ liên quan; việc kiểm tra, kết luận từng vụ việc có lúc còn lúng túng; hiệu quả công tác giám sát thường xuyên chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

II. Tình hình công tác luân chuyển cán bộ kiểm tra

Theo Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Thông báo kết luận số 312-TB/TW, ngày 09/3/2010 của Ban Bí thư về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát và luân chuyển lãnh đạo ủy ban kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp, *tổng số luân chuyển đi* trong toàn ngành là 1.467 đồng chí, số lượng cán bộ *luân chuyển trong nội bộ ngành* là 18 đồng chí; *tổng số luân chuyển đến* toàn ngành là 1.783 đồng chí. Trong đó:

- Ở cấp Trung ương: Thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cán bộ lãnh đạo cấp vụ thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương được luân chuyển đi các ngành, các cấp là 06 đồng chí.

- Cấp tỉnh: Số lãnh đạo ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương được luân chuyển đi công tác ở các ngành, các cấp là 165 đồng chí; luân chuyển đến 171 đồng chí lãnh đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, lãnh đạo cấp quận, huyện đến giữ các chức danh lãnh đạo ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

- Cấp huyện: Số lãnh đạo ủy ban kiểm tra các huyện ủy, quận ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh được luân chuyển đi công tác ở các ngành, các cấp là 1.302 đồng chí; luân chuyển đến 1.612 đồng chí lãnh đạo các phòng, ban cấp huyện; bí thư, phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân xã và tương đương đến giữ các chức danh lãnh đạo ủy ban kiểm tra quận, huyện và tương đương.

Qua 10 năm thực hiện kết luận của Ban Bí thư, nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp về công tác luân chuyển cán bộ đã có nhiều chuyển biến tích cực; cán bộ luân chuyển có điều kiện được đào tạo, rèn luyện ở nhiều ngành, lĩnh vực; nhiều cán bộ của các ngành, lĩnh vực khác được luân chuyển về ngành kiểm tra Đảng nhằm tăng cường cán bộ lãnh đạo ủy ban kiểm tra có trình độ chuyên sâu ở nhiều ngành, lĩnh vực. Hầu hết cán bộ qua luân chuyển đều có bước trưởng thành, tích lũy được nhiều kinh nghiệm, có phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, sát thực tế hơn...

Tuy nhiên, hầu hết các cấp ủy cấp tỉnh chưa xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện luân chuyển cán bộ, trong đó có cán bộ ủy ban kiểm tra và cán bộ cơ

quan ủy ban kiểm tra, dẫn đến sự thiếu chủ động trong tổ chức thực hiện; số lượng cán bộ luân chuyển còn hạn chế, một số cấp ủy chưa thực hiện luân chuyển cán bộ theo Thông báo 312; luân chuyển nội bộ ngành Kiểm tra chưa được quan tâm, số lượng luân chuyển nội bộ rất ít, trong 10 năm qua, có 18 lượt cán bộ được luân chuyển trong nội bộ ngành trên tổng số 1.467 lượt luân chuyển đi của ngành (đạt 0.12%) là quá thấp.

Nguyên nhân của hạn chế trên là do một số cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu nhận thức về vị trí, vai trò của công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế; một số ủy ban kiểm tra thiếu chủ động trong tham mưu, đề xuất công tác luân chuyển cán bộ; công tác phối hợp với cơ quan tham mưu tổ chức cán bộ có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, hiệu quả...

Kết quả thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp thời gian qua cho thấy, chất lượng, trình độ của cán bộ kiểm tra giữa các cấp chưa đồng đều là một trong những nguyên nhân, ảnh hưởng đến kết quả công tác tham mưu cho cấp ủy về công tác kiểm tra của cấp ủy, cũng như tác động trực tiếp đến kết quả thực hiện nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra cấp mình. Nhiều nơi, cán bộ kiểm tra còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ; thiếu bản lĩnh, không dám đấu tranh... Do vậy, việc luân chuyển cán bộ giữa ủy ban kiểm tra các cấp, đặc biệt là tăng cường cán bộ có trình độ, chuyên môn sâu cho những nơi còn yếu, thiếu về cán bộ là rất cần thiết, tạo môi trường để cán bộ kiểm tra giữa ủy ban kiểm tra các cấp truyền đạt, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, góp phần vào công tác đào tạo, rèn luyện cán bộ ngành Kiểm tra Đảng có chất lượng, đồng bộ trong toàn hệ thống.

III. Nội dung luân chuyển cán bộ trong hệ thống ngành Kiểm tra Đảng nhiệm kỳ 2021-2026

Từ tình hình đội ngũ cán bộ kiểm tra, kết quả thực hiện luân chuyển cán bộ kiểm tra, nhằm đẩy mạnh, bảo đảm thực hiện đồng bộ, kịp thời công tác luân chuyển cán bộ trong hệ thống ngành Kiểm tra Đảng, góp phần quan trọng vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ, được sự đồng ý của Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương Đảng và các cơ quan liên quan tổ chức việc luân chuyển cán bộ trong hệ thống Ngành Kiểm tra Đảng nhiệm kỳ 2021-2026 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc bố trí chức danh luân chuyển

1.1. Phạm vi

Việc luân chuyển cán bộ được thực hiện trong hệ thống ngành Kiểm tra Đảng, từ Trung ương đến cấp huyện và tương đương; từ cấp trên xuống cấp dưới,

từ cấp dưới lên cấp trên, giữa ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra cùng cấp với nhau.

1.2. Đối tượng

Cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống ngành Kiểm tra Đảng từ cấp huyện đến Trung ương (trừ đối tượng diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý) được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý gồm:

- Thành viên ủy ban kiểm tra cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương (chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra chuyên trách).

- Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp vụ thuộc Cơ quan Ủy ban kiểm tra Trung ương và cấp phòng thuộc cơ quan ủy ban kiểm tra cấp tỉnh

1.3. Nguyên tắc bố trí chức danh luân chuyển

Cơ bản thực hiện bố trí giữ chức vụ tương đương với chức vụ đang đảm nhiệm. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí chức vụ cao hơn chức vụ đang đảm nhiệm đối với cán bộ có phẩm chất, năng lực nổi trội, có kỹ năng nghiệp vụ tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của chức vụ dự kiến phân công, bố trí (*có phụ lục chức danh luân chuyển kèm theo*).

2. Điều kiện, tiêu chuẩn

Căn cứ Quy định số 65-QĐ/TW, ngày 28/4/2022 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ và yêu cầu thực tiễn về đội ngũ cán bộ, công chức ngành Kiểm tra Đảng, cán bộ luân chuyển phải có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- Đúng đối tượng luân chuyển theo quy định.

- Có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của chức vụ đảm nhiệm khi luân chuyển, có năng lực công tác và triển vọng phát triển.

- Có thời gian công tác trong ngành Kiểm tra Đảng ít nhất 3 năm, còn ít nhất 10 năm công tác tính từ thời điểm luân chuyển. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm

3.1. Thẩm quyền

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện luân chuyển cán bộ trong hệ thống ngành Kiểm tra Đảng; quyết định luân chuyển theo thẩm quyền; đề nghị cấp ủy cấp dưới thực hiện việc luân

chuyên thành viên ủy ban kiểm tra của cấp ủy khi cần thiết.

- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp: Thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

3.2. Trách nhiệm

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Xây dựng kế hoạch nhiệm kỳ, hằng năm và tổ chức thực hiện công tác luân chuyển cán bộ trong ngành Kiểm tra Đảng; chỉ đạo phân công công tác đối với cán bộ sau luân chuyển theo thẩm quyền; kiểm tra, giám sát việc thực hiện luân chuyển cán bộ; sơ kết, tổng kết công tác luân chuyển cán bộ trong hệ thống ngành Kiểm tra Đảng.

- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh: Xây dựng kế hoạch nhiệm kỳ và hằng năm về luân chuyển cán bộ trong Đảng bộ trên cơ sở kế hoạch chung của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc luân chuyển cán bộ; phân công công tác đối với cán bộ sau luân chuyển theo thẩm quyền.

- Ủy ban kiểm tra cấp tỉnh, cấp huyện: Tham mưu, đề xuất việc luân chuyển cán bộ theo thẩm quyền.

- Cơ quan nơi đi chịu trách nhiệm nhận xét, đánh giá cán bộ được đề xuất luân chuyển; phối hợp với cơ quan liên quan trong công tác quản lý, giám sát và giữ mối liên hệ thường xuyên với cán bộ luân chuyển; có trách nhiệm tiếp nhận, bố trí hoặc đề xuất bố trí công tác đối với cán bộ sau luân chuyển.

- Cơ quan nơi đến phải chấp hành nghiêm quyết định luân chuyển cán bộ của cấp có thẩm quyền; có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ luân chuyển phát huy năng lực, sở trường; quản lý, đánh giá cán bộ trong thời gian luân chuyển; phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất hướng bố trí, sử dụng cán bộ sau luân chuyển.

- Cán bộ luân chuyển phải chấp hành nghiêm các quy định, quy chế, phân công của cấp có thẩm quyền, cơ quan nơi đi và nơi đến; tu dưỡng, rèn luyện, phát huy năng lực, sở trường, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chịu sự kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả công tác định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

- Cơ quan tham mưu tổ chức - cán bộ của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, của cấp ủy tỉnh, huyện và tương đương chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu giúp Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng kế hoạch; thẩm định, thẩm tra, rà soát đối với nhân sự luân chuyển theo chức năng, nhiệm vụ; nhận xét, đánh giá; đề xuất bố trí, sắp xếp cán bộ trước và sau luân chuyển.

4. Quy trình luân chuyển

Bước 1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành kế hoạch triển khai công tác luân chuyển cán bộ trong hệ thống Ngành Kiểm tra Đảng theo năm, nhiệm kỳ.

Bước 2. Căn cứ nhu cầu luân chuyển cán bộ, cấp ủy trực thuộc Trung ương rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị để xây dựng kế hoạch luân chuyển trình Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, cho chủ trương (năm, nhiệm kỳ).

Bước 3. Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương trao đổi với các địa phương, đơn vị để đề xuất nhân sự luân chuyển.

Bước 4. Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương tổng hợp đề xuất của các địa phương, đơn vị và tiến hành rà soát tiêu chuẩn, tiêu chí và dự kiến địa bàn, chức danh, nhân sự luân chuyển.

Bước 5. Ủy ban Kiểm tra Trung ương thông qua danh sách nhân sự, chức danh luân chuyển.

Bước 6. Cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ: Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các bước tiếp theo, cụ thể:

- Lấy ý kiến nhận xét, đánh giá đối với nhân sự dự kiến luân chuyển.

- Gửi văn bản lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan, trao đổi với cơ quan nơi đi, cơ quan nơi đến về dự kiến địa bàn, chức danh và nhân sự dự kiến luân chuyển. Tổ chức gặp gỡ cán bộ được luân chuyển để quán triệt mục đích, yêu cầu luân chuyển; nắm tâm tư, nguyện vọng và xác định trách nhiệm đối với cán bộ luân chuyển.

- Xem xét, quyết định và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện (công bố quyết định hoặc chỉ đạo bầu cử và các công việc cần thiết khác).

5. Thời gian luân chuyển, chế độ, chính sách đối với cán bộ luân chuyển

Thời gian luân chuyển ít nhất là 03 năm (36 tháng). Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Cán bộ luân chuyển trong hệ thống ngành Kiểm tra Đảng được thực hiện chế độ, chính sách như cán bộ luân chuyển nói chung.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện công tác luân chuyển cán bộ trong hệ thống Ngành Kiểm tra Đảng theo kế hoạch; thí điểm thực hiện luân chuyển cán bộ trong

hệ thống ngành Kiểm tra Đảng nhiệm kỳ 2021-2026; định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết và báo cáo Ban Bí thư theo quy định.

2. Ban Thường vụ cấp ủy cấp tỉnh và cấp huyện đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện Đề án, xây dựng kế hoạch luân chuyển trong hệ thống ngành kiểm tra Đảng đảm bảo hiệu quả, đồng bộ.

3. Ủy ban kiểm tra cấp tỉnh và cấp huyện phối hợp với ban tổ chức cấp ủy cấp mình tham mưu cho cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện luân chuyển cán bộ Kiểm tra Đảng thuộc cấp mình, có kế hoạch và lộ trình thực hiện cụ thể. Hằng năm, nhiệm kỳ báo cáo kết quả thực hiện việc luân chuyển cán bộ về Ủy ban Kiểm tra Trung ương để tổng hợp, báo cáo Ban Bí thư. *Th*

**T/M ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC
Đã ký: Trần Văn Rón**

**TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI
VĂN PHÒNG**

*

Số 820-BS/VPTU

SAO LỤC

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 4 năm 2023

Nơi nhận

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Tỉnh đoàn,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Công Thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh,
- C, PCVP Tỉnh ủy; P. TH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thị Ngọc Bích

**Chức danh bố trí khi luân chuyển cán bộ, công chức
trong hệ thống ngành Kiểm tra Đảng**
(kèm theo Đề án số 05-ĐA/UBKTTW, ngày 14/4/2023
của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

STT	Chức vụ trước khi luân chuyển	Chức vụ bố trí khi luân chuyển
I.	<i>Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương</i>	
	Vụ trưởng, phó vụ trưởng và tương đương.	Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc Trung ương.
II.	<i>Ủy ban, cơ quan ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc Trung ương</i>	
	Chủ nhiệm Ủy ban	Vụ trưởng và tương đương thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
	Phó Chủ nhiệm; Ủy viên Ủy ban	Phó vụ trưởng và tương đương thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
	Trưởng phòng	Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp huyện.
	Phó Trưởng phòng	Phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp huyện.
III.	<i>Ủy ban kiểm tra cấp huyện</i>	
	Chủ nhiệm	Phó Chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp tỉnh.
	Phó Chủ nhiệm	Ủy viên ủy ban, trưởng phòng thuộc cơ quan ủy ban kiểm tra cấp tỉnh.
	Ủy viên Ủy ban	Trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc cơ quan ủy ban kiểm tra cấp tỉnh



PHỤ LỤC THỐNG KÊ (Số 01)
đội ngũ cán bộ là thành viên UBKT cấp tỉnh, cấp huyện

T	T	Tiêu chí	Thành viên UBKT hiện có											
			Cấp tỉnh						Cấp huyện					
			CN		PCN		Ủy viên (chuyên trách)		CN		PCN		Ủy viên (chuyên trách)	
		Tổng số	67	%	186	%	362	%	870	%	1503	%	2278	%
1	Ngạch	Kiểm tra viên cao cấp	43	64.2	34	18.3	15	4.1	41	4.7				
		Kiểm tra viên chính	24	35.8	148	79	292	80.7	527	60.6	493	32.8	386	13.9
		Kiểm tra viên			4	2.2	55	15.2	302	34.7	1010	67.2	2392	86.1
2	Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ	5	7.5	2	1.1	2	0.6	3	0.3	5	0.3	23	0.8
		Thạc sĩ	38	56.7	90	48.4	164	45.3	299	34.4	343	24.8	610	22
		Đại học	24	35.8	93	50	199	55	577	66.3	1144	76.1	2211	79.6
3	Chuyên ngành đào tạo	Khối kinh tế, tài chính	27	40.3	75	40.3	137	37.8	218	25.1	412	27.4	710	25.6
		Khối tư pháp	19	28.4	45	24.2	82	22.7	189	21.7	363	24.2	634	22.8
		Khối xây dựng đảng	8	11.9	18	9.7	40	11	81	9.3	177	11.8	335	12.1
		Khối quản lý nhà nước	5	7.5	14	7.5	23	6.4	84	9.7	164	10.9	219	7.9
		Khối ngành khác	8	11.9	34	18.3	78	21.5	306	35.2	412	27.4	947	34.1
4	Trình độ lý luận chính trị	Cao cấp, cử nhân	67	100	186	100	363	100	867	99.7	1226	81.6	1737	62.5
		Trung cấp							3	0.3	257	17.1	1129	40.6
5	Độ tuổi	dưới 45	6	9.0	29	15.6	104	28.7	171	19.7	605	40.3	1555	56
		45-50	21	31.3	56	30.1	140	38.7	266	30.6	448	29.8	719	25.9
		Trên 50	40	59.7	101	54.3	118	32.6	427	19.1	458	30.5	606	21.8
6	Nữ		11	16.4	36	19.4	76	21	107	12.3	368	24.5	805	29

PHỤ LỤC THỐNG KÊ (Số 02)

đội ngũ công chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc cơ quan UBKTTW

TT	Tiêu chí		Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc CQUBKTTW			
			Vụ trưởng	Phó vụ trưởng	Trưởng phòng	Phó trưởng phòng
Tổng số:			17	110	09	06
1	Ngạch	Kiểm tra viên cao cấp	12 (70.59%)	56 (50.91%)	1 (11.11%)	0
		Kiểm tra viên chính	5 (29.41%)	44 (40%)	5 (55.56%)	1 (20%)
		Kiểm tra viên	0	5 (4.55%)	3 (33.33%)	2 (40%)
2	Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ	2 (14.28%)	12 (10.91%)	0	0
		Thạc sĩ	10 (71.43%)	48 (43.64%)	4 (44.44%)	3 (60%)
		Đại học	5 (35.71%)	50 (45.45%)	5 (55.56%)	2 (40%)
3	Chuyên ngành đào tạo	Khối kinh tế, tài chính	7 (41.17%)	46 (41.82%)	3 (33.33%)	3 (60%)
		Khối tư pháp	5 (29.41%)	22 (20.00%)	1 (11.11%)	1 (20%)
		Khối xây dựng Đảng	1 (5.88%)	9 (8.18%)	1 (11.11%)	0
		Khối quản lý nhà nước	0	5 (4.55%)	1 (11.11%)	1 (20%)
		Khối ngành khác	4 (23.52%)	37 (33.64%)	3 (33.33%)	1 (20%)
4	Trình độ lý luận chính trị	Cao cấp, cử nhân	17 (100%)	110 (100%)	5 (55.56%)	3 (33.33%)
		Trung cấp	0	0	3 (33.33%)	1 (11.11%)

5	Độ tuổi	35-40	0	10 (9.09%)	0	1 (20%)
		40-45	5 (35.71%)	19 (17.27%)	6 (66.67%)	2 (40%)
		45-50	4 (28.57%)	23 (20.91%)	2 (22.22%)	1 (20%)
		Trên 50	8 (57.14%)	55 (50%)	1 (11.11%)	1 (20%)
6	Nữ		1 (5.88%)	20 (18.69%)	4 (44.44%)	2 (40%)

PHỤ LỤC THỐNG KÊ (Số 03)

đội ngũ công chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc CQUBKT cấp tỉnh

TT	Tiêu chí		Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý				Ghi chú
			Trưởng phòng		Phó Trưởng phòng		
	Tổng số		133	%	256	%	
1	Ngạch	Kiểm tra viên cao cấp	3	2.3	1	0.4	
		Kiểm tra viên chính	115	86.5	171	66.8	
		Kiểm tra viên	15	11.3	84	32.8	
2	Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ	2	1.5			
		Thạc sĩ	55	41.4	95	37.1	
		Đại học	76	57.1	161	62.9	
3	Chuyên ngành đào tạo	Khối kinh tế, tài chính	57	42.9	103	40.2	
		Khối tư pháp	27	20.3	54	21.1	
		Khối xây dựng đảng	14	10.5	20	7.8	
		Khối quản lý nhà nước	4	3.0	13	5.1	
		Khối ngành khác	31	23.3	66	25.8	
4	Trình độ lý luận chính trị	Cao cấp, cử nhân	131	98.5	329	93.4	
		Trung cấp	2	1.5	17	6.6	
5	Độ tuổi	dưới 45	41	30.8	115	44.9	
		45-50	54	40.6	74	28.9	
		Trên 50	38	28.6	67	26.2	
6	Nữ		36	27.1	78	30.5	